TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST
Ngày 30-5-2019
V/v: Ly *hôn giữa*
chị T với anh Đ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Thu Hằng

2. Bà Quách Thị Anh Thơ.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:** Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà - tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện H, tỉnh T; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh T.

(cố tình giấu địa chỉ - vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B, huyện H, tỉnh T vào tháng 5-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do vợ chồng không có con dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ không có con chung.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản gì chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 18-02-2019, ông Nguyễn Văn B (bác ruột của anh Nguyễn Văn Đ), sinh năm 1958, trú tại: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh T trình bày: Bố anh Đ là ông Nguyễn Đức V đã chết, mẹ anh Đ là bà Nguyễn Thị V, hiện nay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Vào khoảng tháng 02-2019, ông có nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho anh Đ, ông đã thông báo cho anh Đ biết, anh Đ có trao đổi với ông là anh Đ đang làm ăn ở miền Nam, anh không về Tòa án giải quyết vụ án được, quan điểm của anh Đ về việc giải quyết vụ án như sau: Về hôn nhân: Anh Đ và chị T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào tháng 5-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con dẫn đến vợ chồng chán nản, lạnh nhạt tình cảm với nhau. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2016. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về nuôi con chung: anh và chị T không có con chung; Về chia tài sản: anh và chị T không có tài sản chung. Hiện nay anh Đ đang làm ăn ở miền Nam, anh Đ làm nghề tự do, không có địa chỉ cố định nên anh Đ không cho ông biết địa chỉ cụ thể. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, chị T đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh Đ không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản của Tòa án đối với anh Đ theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử: xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ; về nuôi con chung: không có; về chia tài sản chung: Chưa giải quyết. Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hônvới anh Nguyễn Văn Đ. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Ly hôn". Hiện anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh Đ. Anh Đ biết Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà thụ lý, giải quyết vụ án, nhưng anh Đ đang làm ăn ở miền Nam, anh Đ không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án, anh cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Đ và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ theo trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh T, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con, dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm, hay cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Xét thấy, vợ chồng chị T và anh Đ sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Chị T và ông B đều trình bày: Quá trình chung sống, chị T và anh Đ không có tài sản chung. Tuy nhiên, Tòa án chưa lấy được lời khai trực tiếp của anh Đ nên Hội đồng xét xử không giải quyết về phần tài sản chung của chị T và anh Đ tại phiên tòa hôm nay. Trường hợp có xảy ra tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ không có con chung.

3. Về chia tài sản: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005364 ngày 13-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Chị T đã nộp đủ).

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã B, huyện H, tỉnh T.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên